TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HƯNG YÊN** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/01/2022
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN – TỈNH HƯNG YÊN
Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Đào Thúy Hà.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
  1. Bà Nguyễn Thị Hệ.
  2. Ông Phạm Minh Đức.

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Ngọc Nam - Thư ký Toà án.

Đại diện VKSND thành phố Hưng Yên: Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 125/2021/TLST - HNGĐ ngày 12/10/2021, về việc "*tranh chấp ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX - HNGĐ ngày 04/01/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: anh **Trần Tiến D**, sinh năm 1974;

* Bị đơn**:** chị **Hoàng Thị Th**, sinh năm 1977;

Cùng HKTT: 127C phố Đ, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn Trần Tiến D trình bày như sau:*

Anh và chị Hoàng Thị Th đăng ký kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện vào năm 1997 tại Phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cách nuôi dậy con cái và làm ăn kinh tế. Ngoài ra, công việc hàng ngày

của anh có nhiều áp lực nhưng anh không cảm nhận được sự quan tâm, chia sẻ của chị Th. Chính vì vậy, vợ chồng thường xuyên xẩy ra tranh cãi to tiếng với nhau, không tôn trọng nhau, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Hiện nay, anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, kinh tế độc lập, cuộc sống của ai người ấy lo. Do xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D đề nghị Tòa án thành phố Hưng Yên giải quyết được ly hôn với chị Th để sớm ổn định cuộc sống; Về con chung: anh chị có một con chung là Trần Hoàng T, sinh năm 1998. Hiện nay, đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết; Về tài sản và công nợ: không đề nghị Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn chị Hoàng Thị Th trình bày:*** giống như nội dung anh D trình bày về quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn. Xác định anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và cách nuôi dậy con cái, không quan tâm, chia sẻ. Anh D là người gia trưởng, mọi việc chị đều phải theo ý anh D, có lần anh D hành hạ, đánh đập, xúc phạm chị do có quan điểm trái chiều. Vì nghĩ đến con cái và muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình nên chị đã cố gắng chịu đựng, không thông báo với chính quyền địa phương. Từ tháng 02/2020, anh D không chung sống cùng chị nên anh chị sống ly thân từ thời gian đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị Th xác định giữa anh, chị có nhiều mâu thuẫn, ban đầu chị đồng ý ly hôn, nhưng sau đó vì nghĩ đến con nên chị không đồng ý ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Hoàng T, sinh năm 1998, đến nay đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết. Về tài sản: chị Th không đề nghị giải quyết do không muốn ly hôn.

**Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố tiến hành xác minh, cụ thể như sau:*

Ông Trần Văn Hùng, bố đẻ của anh Trần Tiến D trình bày: Anh D và chị Th sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh chị không tin tưởng nhau, có quan điểm sống khác nhau. Khoảng vài năm trở lại đây anh D và chị Th sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Bên cạnh đó, chị Th có nhiều lần còn tỏ thái độ bất kính với gia đình ông, chưa làm tròn bổn phận người con dâu. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không gắn kết được tình cảm của anh, chị. Hiện nay, anh D ở cùng với ông, không ở cùng chị Th.

Đại diện chính quyền địa phương, Trưởng khu phố N, phường Q, thành phố H cung cấp: Anh D và chị Th chung sống không hạnh phúc, nhiều năm nay anh D và chị Th sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau.

* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên

tiến hành mở phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ban đầu anh D, chị Th đều thuận tình ly hôn nhưng sau đó chị Th thay đổi quan điểm không đồng ý ly hôn.

**** Tại phiên tòa:***

Nguyên đơn anh Trần Tiến D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, về con chung và về tài sản không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Hoàng Thị Th xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng chị vẫn muốn anh D cho chị thêm cơ hội để sửa chữa, còn nếu anh D vẫn cương quyết ly hôn chị sẽ theo ý của anh D. Về con chung và tài sản không đề nghị HĐXX giải quyết.

Đại diện VKSND thành phố Hưng Yên phát biểu quan điểm: Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, HĐXX đã thực hiện đúng quy định trong việc xét xử, điều hành phiên tòa theo quy định tại điều 225, từ điều 227 đến điều 229, điều 234, 239, điều 247 đến 258, điều 260 đến 262 BLTTDS; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại điều 70, 71,72 BLTTDS. Về đường lối giải quyết: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều Điều 70, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho anh Trần Tiến D được ly hôn chị Hoàng Thị Th. Về con chung: Anh D và chị Th có một con chung là Trần Hoàng T, sinh năm 1998, hiện nay đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết; Về tài sản chung: các đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: anh Trần Tiến D và chị Hoàng Thị Th đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1997 tại Phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, do không hạnh phúc nên anh D đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án về việc ly hôn với chị Th. Hiện nay, chị Th đang sinh sống trên địa bàn thành phố Hưng Yên nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên và quan hệ pháp luật cần giải quyết là *"tranh chấp ly hôn"*.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh D và chị Th thông qua người thân và chính quyền địa phương, HĐXX thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị Th chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh, chị không có giải pháp khắc phục những mâu thuẫn phát sinh từ cuộc sống như cách nuôi dạy con chung, phát triển kinh tế gia đình. Tại phiên tòa, anh D và chị Th đều thừa nhận vợ chồng không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Chị Th tỏ quan điểm không muốn ly hôn với anh D nhưng không có phương án để anh D hiểu thiện chí mong muốn duy trì hôn nhân với anh D. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị Th thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Anh D và chị Th có một con chung là Trần Hoàng T, sinh năm 1998, đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Đương sự có quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung vợ chồng nếu có đủ căn cứ theo quy định pháp luật.

Về án phí: Anh D phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Tiến D, cho anh Trần Tiến D được ly hôn với chị Hoàng Thị Th.

2. Về con chung: Anh D và chị Th có một con chung là Trần Hoàng T, sinh năm 1998 hiện nay đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết.

3. Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Đương sự có quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung vợ chồng nếu có đủ căn cứ theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Anh Trần Tiến D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Đối chiếu với Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001019 ngày 12 tháng 10

năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, anh D đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

T.M HĐXX SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa

Đào Thúy Hà

Nơi nhận.
- VKSND thành phố Hưng Yên.
- Chi cục THADS T.P Hưng Yên.
- Phòng nghiệp vụ & THA, Tòa án tỉnh Hưng Yên.
- UBND phường Quang Trung, TP. Hưng Yên(ĐKKH ngày 11 tháng 12 năm 1997)
- Các đương sư.
- Lưu HS.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hệ **Phạm Minh Đức** **Đào Thúy Hà**